TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2021.
V/v**:** "Ly hôn và quyền nuôi con chung giữa bà H và ông L".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Từ Hồng Hải.

2. Ông Trương Minh Thọ.

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hằng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 việc ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020 /QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 19, P, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú tại: Số 14/1, đường B, phường C, thành phố Đà L tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Văn Lệnh. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 19, P, phường C , thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú tại: Số 14/1, đường B, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụmg nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Phùng Văn L vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q , tỉnh Quảng Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, vì hai bên gia đình ở xa nên không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà chồng ở Tổ 19, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, sau khi nhà chồng bán nhà thì vợ chồng thuê nhà trọ ở tại số 14/1, đường B, phường C, thành phố

Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên lúc đó con nhỏ bà cố gắng chịu đựng, sau đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ông L không có trách nhiệm với vợ con, thường bỏ nhà đi chơi bời theo bạn bè bên ngoài, rượu chè, cờ bạc về nhà đánh đập bà và ông L có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài từ nhiều năm nay. Đến nay nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể tồn tại, bà không thể tiếp tục chịu đựng ông L thêm nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phùng Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phùng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2007 và Phùng Anh Kt, sinh ngày 05/9/2008. Hiện con đang ở với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và xin giải quyết vắng mặt ông Phùng Văn L trình bày: Ông kết hôn với bà H vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ông ở Tổ 19, , phường C, thành phố Đà, tỉnh Lâm Đồng, Do cha mẹ bán nhà nên vợ chồng thuê nhà trọ ở tại số 6/12, đường B, phườngC, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Cuộc sống chung thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, nên vợ chồng ly thân nhau 01 năm nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phùng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2007 và Phùng Anh K, sinh ngày 05/9/2008. Ly hôn ông yêu xin trực tiếp nuôi con và cũng tôn trọng nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H, cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L. Về con chung giao con chung tên Phùng Thị ThảoN, sinh ngày 27/01/2007 và Phùng Anh K, sinh ngày 05/9/2008 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con bà Phạm Thị H không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung,hai bên khai không có tranh chấp, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với Phùng Văn L có địa chỉ tại số 14/1, đường B, phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Phùng Văn L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thương xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên về sống chung có nhưng bất đồng, bên cạnh đó ông L không có trách nhiệm với vợ con. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử động viên bà Phạm Thị H rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng bà vẫn kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với ông L. Ông Phùng Văn L cũng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và xin vắng mặt là thể hiện thái độ không còn mong muốn hằn gắn tình cảm vợ chồng. Với thực chất của quan hệ hôn nhân trên mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L.

[4] Về con chung: Giữa bà Phạm Thị Hvà ông Phùng Văn L có hai con chung tên Phùng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2007 và Phùng Anh K , sinh ngày 05/9/2008. Ly hôn bà Phạm Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cũng yêu cầu nuôi con, xong ông cũng tôn trọng nguyện vọng của con. Tòa án lấy lời khai các con có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vây giao hai con cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H, không có yêu cầu nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung và về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị H, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Phùng Văn L.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Phùng Thị Thảo N, sinh ngày 27/01/2007 và Phùng Anh K, sinh ngày 05/9/2008 cho bà Phạm Thị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003205 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt) bà H đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phùng Văn L vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- UBND xã Q, huyện Q
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga